

CÔNG TY CP DỆT MAY
HOÀNG THỊ LOAN

Số: 2 /TTr-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----oOo-----

Vinh, ngày 26 tháng 3 năm 2021.

TỜ TRÌNH
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY THEO
LUẬT DOANH NGHIỆP 2020

Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá 14 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá 14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực từ 01/01/2021;
- Căn cứ các văn bản hướng dẫn thi hành luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 thông qua việc điều chỉnh một số điều trong Điều lệ của Công ty ban hành ngày 29/04/2020 để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán hiện hành, gồm các nội dung điều chỉnh như sau:

TT	NỘI DUNG	ĐIỀU LỆ CÔNG TY 29/04/2020	ĐIỀU CHỈNH
1	Lời nói đầu	(...) theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá 13 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 có hiệu lực từ 01/07/2015.	(...) theo Luật doanh nghiệp số 59/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá 14 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021.
2	Điều 1. Giải thích “thuật ngữ” trong Điều lệ	Mục b, Khoản 1. Công ty mẹ: là Tổng Công ty CP DM Hà Nội (...);	Bỏ mục b. Khoản 1.
		Mục e. Luật Chứng khoán ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010.	Sửa đổi mục e thành mục d. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ban hành ngày 26/11/2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

TT	NỘI DUNG	ĐIỀU LỆ CÔNG TY 29/04/2020	ĐIỀU CHỈNH
		Mục k. Giá thị trường của cổ phần: là giá giao dịch trên thị trường chứng khoán hoặc giá do một tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định;	Sửa tên mục k thành mục j. Giá thị trường của cổ phần: là giá giao dịch trên thị trường tại thời điểm liền kề trước đó, giá thỏa thuận giữa người bán và người mua hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá xác định;
		Mục p. Người điều hành doanh nghiệp (...).	Sửa tên mục p thành mục o và bỏ phần “ <i>người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty</i> ”.
			Bổ sung Mục q. Người thành lập Doanh nghiệp: là cá nhân, tổ chức thành lập hoặc góp vốn để thành lập Doanh nghiệp.
		Mục r. Ngày thành lập Công ty: (...).	Bổ sung Mục r: (...); <i>thay đổi ngày kỷ niệm thành lập Công ty là ngày 19/05 hàng năm kể từ năm 2021.</i>
3	Điều 2. Tên, hình thức, địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện	Khoản 3. - Fax: 038.3855442	Sửa đổi Khoản 3. - Fax: 0238.3855442
4	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	<i>Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13, Điều 14 Luật Doanh nghiệp 2014.</i>	<i>Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 Luật Doanh nghiệp 2020.</i>
5	Điều 4. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh của Công ty		Bổ sung mục c, Khoản 2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty: “ <i>c. Giáo dục nhà trẻ, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và dịch vụ hỗ trợ giáo dục.</i> ”
6	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	Khoản 6. (...) <i>trừ trường hợp cổ phần đã được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</i>	Khoản 6. (...) <i>trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</i>

TT	NỘI DUNG	ĐIỀU LỆ CÔNG TY 29/04/2020	ĐIỀU CHỈNH
7	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	Khoản 2. (...). Cổ phiếu phải có các nội dung theo quy định tại <i>Khoản 1, Điều 120 Luật Doanh nghiệp.</i>	Khoản 2. (...). Cổ phiếu phải có các nội dung theo quy định tại <i>Khoản 1, Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</i>
8	Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	Khoản 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng <i>trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. (...).</i>	Khoản 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng <i>trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần. (...).</i>
9	Điều 10. Thu hồi cổ phần	Khoản 4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại <i>khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp 2014. (...).</i>	Khoản 4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại <i>khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp 2020. (...).</i>
10	Điều 12. Quyền của cổ đông		Bổ sung nội dung mục a, Khoản 2. (...). <i>Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</i>
		Mục e, Khoản 2. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	Sửa đổi mục e, Khoản 2. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông <i>có quyền biểu quyết;</i> yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác <i>của mình;</i>
		Mục i, Khoản 2. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <i>Điều 129 Luật doanh nghiệp;</i>	Sửa đổi mục i, Khoản 2. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <i>Điều 132 Luật doanh nghiệp;</i>
		Khoản 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên <i>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</i> có các quyền sau: (...).	Sửa đổi Khoản 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ bỏ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên (<i>bỏ phần “trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng”</i>) có quyền sau đây: a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và

TT	NỘI DUNG	ĐIỀU LỆ CÔNG TY 29/04/2020	ĐIỀU CHỈNH
	<p>Điều 12. Quyền của cổ đồng</p>		<p>tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty; b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp; c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; d. Quyền khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.</p>
11	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p>	<p>Khoản 3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</p>	<p>Khoản 3. Thanh toán <i>đủ và đúng</i> thời hạn số cổ phần <i>cam kết mua</i>.</p>
12	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đồng</p>	<p>Khoản 3. mục e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các <i>nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp</i> hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	<p>Khoản 3. mục e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các <i>trách nhiệm</i> của họ theo <i>Điều 165 Luật doanh nghiệp</i> hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>

TT	NỘI DUNG	ĐIỀU LỆ CÔNG TY 29/04/2020	ĐIỀU CHỈNH
		Khoản 4, mục b. (...) theo quy định tại <i>khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp</i> ;	Khoản 4, mục b. (...) theo quy định tại <i>khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp</i> ;
		Khoản 4, mục c. (...) theo quy định tại <i>khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</i> .	Khoản 4, mục c. (...) theo quy định tại <i>khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</i> .
13	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Khoản 2, mục d. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập	Khoản 2, mục d. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty; bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.
		Mục f, Khoản 2. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị.	Sửa đổi mục f, Khoản 2. Quyết định và báo cáo tổng số tiền thù lao, <i>thưởng và lợi ích khác</i> cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
		Mục n, Khoản 2. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại <i>khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp</i> với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;	Sửa đổi mục n, Khoản 2. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại <i>khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020</i> với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
			Bổ sung mục o, Khoản 2. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; (<i>bổ sung</i>).
14	Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	Mục a, Khoản 2. (...) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn <i>năm (05) ngày</i> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;	Sửa đổi, bổ sung mục a, Khoản 2. (...) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn <i>mười (10) ngày</i> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; <i>Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông.</i>

TT	NỘI DUNG	ĐIỀU LỆ CÔNG TY 29/04/2020	ĐIỀU CHỈNH
	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Mục d, Khoản 2. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p>	<p>Bổ sung mục d, Khoản 2. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; <i>danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</i></p>
	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Khoản 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <i>chậm nhất mười (10) ngày</i> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Khoản 3. Mời họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</p> <p>b. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.</p> <p>c. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; - Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; - Phiếu biểu quyết; - Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; - Dự thảo nghị quyết đối với

TT	NỘI DUNG	ĐIỀU LỆ CÔNG TY 29/04/2020	ĐIỀU CHỈNH
	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>c. Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; d. Phiếu biểu quyết e. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>từng vấn đề trong chương trình họp. d. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại mục c có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.</p>
		<p>Mục b, Khoản 3: Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p>	<p>Sửa đổi mục b, Khoản 3: Bỏ phần “trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng”.</p>
			<p>Bổ sung vào Khoản 5. “Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.” Trước phần “Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền (...)”.</p>
		<p>Mục b, Khoản 5. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p>	<p>Sửa đổi mục b. Khoản 5. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p>
15	<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Khoản 1: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.</p>	<p>Sửa đổi Khoản 1: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.</p>

TT	NỘI DUNG	ĐIỀU LỆ CÔNG TY 29/04/2020	ĐIỀU CHỈNH
		<p>Khoản 2: (...). Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 2: (...). Khi cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p>
		<p>Khoản 3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. (...).</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Khoản 3: Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. (...).</p>
16	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ</p>	<p>Mục 4: Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. (...)</p> <p>Khoản 7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Bổ sung mục 4: Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. (...).</p> <p>Khoản 7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp 2020 .</p>
17	<p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p>	<p>Khoản 1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc</p>	<p>Sửa đổi Khoản 1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua</p>

TT	NỘI DUNG	ĐIỀU LỆ CÔNG TY 29/04/2020	ĐIỀU CHỈNH
		thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: (...).	đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: (...).
		Khoản 2. (...) theo quy định tại khoản 3 <i>Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</i>	Sửa đổi Khoản 2. (...) theo quy định tại khoản 3 <i>Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.</i>
			Bổ sung Khoản 5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
18	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua NQ ĐHĐCĐ		Bổ sung vào Khoản 1. <i>Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp.</i>
			Bổ sung vào Khoản 2. (...) <i>Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp.</i>
		Mục c. Khoản 3. Họ, tên, địa chỉ thường trú, (...) số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.	Sửa đổi mục c. Khoản 3. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số

TT	NỘI DUNG	ĐIỀU LỆ CÔNG TY 29/04/2020	ĐIỀU CHỈNH
			lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
		Mục g, Khoản 3. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Sửa đổi mục g, Khoản 3. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
		Mục e, Khoản 6. Các vấn đề đã được thông qua;	Bổ sung mục e, Khoản 6. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
		Mục f, Khoản 6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.	Sửa đổi mục f, Khoản 6. Bổ phần “người đại diện theo pháp luật của Công ty”.
			Sửa đổi Khoản 7. Thay “Tổng công ty” thành “Công ty”.
		Khoản 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi Khoản 9. Từ “ít nhất 51%” thành “trên 50%”.
19	Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Mục i, Khoản 1. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.	Bổ sung mục i, Khoản 1. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
			Sửa đổi Khoản 5. Thay “Tổng công ty” thành “Công ty”.
20	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của TVHĐQT	Khoản 2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị.	Bỏ Khoản 2.

TT	NỘI DUNG	ĐIỀU LỆ CÔNG TY 29/04/2020	ĐIỀU CHỈNH
21	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Khoản 1. (...). Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi Khoản 1. (...). Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
		Mục c, Khoản 2. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;	Bổ sung, sửa đổi Mục c, Khoản 2. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ; Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;
		Mục a, Khoản 3. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty.	Sửa đổi mục a, Khoản 3. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và Khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty
22	Điều 28. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của TV HĐQT	Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.	Bổ sung tên Điều 28. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.
		Khoản 1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng	Bổ sung Khoản 1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao và thưởng cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao và thưởng cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

TT	NỘI DUNG	ĐIỀU LỆ CÔNG TY 29/04/2020	ĐIỀU CHỈNH
		trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.	Khoản thù lao và thưởng này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
23	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Khoản 1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.	Sửa đổi, bổ sung Khoản 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty đại chúng và công ty cổ phần</i> quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật này <i>không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.</i>
		Khoản 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	Sửa đổi Khoản 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.
24	Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	Khoản 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận: (...).	Bổ sung vào Khoản 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: (...).
25	Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý		Bỏ phần “ và các chức danh quản lý khác dp Hội đồng quản trị bổ nhiệm”.
26	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	Khoản 3. Mục a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;	Sửa đổi mục a, b, h Khoản 3. Mục a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và

TT	NỘI DUNG	ĐIỀU LỆ CÔNG TY 29/04/2020	ĐIỀU CHỈNH
		<p>Mục b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông thông qua; Mục b. Quyết định các vấn đề mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; Mục h. Thay từ “<i>Tổng công ty</i>” thành “<i>Công ty</i>”.</p>
27	<p>Điều 37. Kiểm soát viên</p>	<p>Khoản 2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 159 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau: (...).</p>	<p>Sửa đổi Khoản 2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau: (...).</p>
		<p>Khoản 3. (...) Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</p>	<p>Sửa đổi Khoản 3. (...) Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.</p>
28	<p>Điều 38. Ban kiểm soát</p>	<p>Khoản 1. Quyền và nghĩa vụ của ban kiểm soát: quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp (...).</p>	<p>Sửa đổi Khoản 1. Quyền và nghĩa vụ của ban kiểm soát: quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp (...).</p>
29	<p>Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p>	<p>Khoản 1. (...) tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Sửa đổi Khoản 1. (...) tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp.</p>

TT	NỘI DUNG	ĐIỀU LỆ CÔNG TY 29/04/2020	ĐIỀU CHỈNH
30	Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	Khoản 1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.	Sửa đổi Khoản 1. Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh <i>theo quy định của pháp luật hiện hành.</i>

Kính trình ĐHĐCĐ Công ty xem xét, thông qua.

Trân trọng!

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Văn Thanh

Ngô Văn Thanh